

Số: **223**/QĐ-UBND

Bình Định, ngày **25** tháng **04** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh năm 2018

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

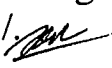
Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 46/TTr-KHCN ngày 17/01/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định năm 2018.

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch kiểm tra kèm theo Quyết định này và báo cáo kết quả cho UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Nội vụ; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Trần Châu;
- CVP, PVP Phạm Văn Thủy;
- Lưu: VT, P.HC-TH, K20. 

KT. CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH


Trần Châu

KẾ HOẠCH KIỂM TRA
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG, ÁP DỤNG, DUY TRÌ VÀ CẢI TIẾN
HTQLCL THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001: 2008
TẠI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH NĂM 2018
(Kèm theo Quyết định số 223 /QĐ-UBND ngày 25 / 01 /2018
của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan kiểm tra	Cơ quan chủ trì (Sở Khoa học và Công nghệ)	Cơ quan phối hợp (Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ)	Hình thức kiểm tra		Thời gian kiểm tra
				Thông qua hồ sơ và báo cáo	Tại trụ sở cơ quan	
1	UBND huyện Tuy Phước	nt	nt		x	Tháng
2	UBND huyện Tây Sơn	nt	nt		x	nt
3	UBND huyện Hoài Nhơn	nt	nt		x	nt
4	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hoài Nhơn	nt	nt		x	nt
5	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hoài Nhơn	nt	nt		x	nt
6	UBND huyện An Lão	nt	nt		x	nt
7	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện An Lão	nt	nt		x	nt
8	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện An Lão	nt	nt		x	nt
9	UBND phường Trần Hưng Đạo	nt	nt		x	nt
10	UBND thị trấn Diêu Trì	nt	nt		x	nt
11	UBND xã Nhơn Lộc	nt	nt		x	nt
12	UBND xã Canh Vinh	nt	nt		x	nt
13	UBND thị trấn Vĩnh Thạnh	nt	nt		x	nt
14	UBND thị trấn Ngô Mỹ	nt	nt		x	nt
15	UBND xã Mỹ Hòa	nt	nt		x	nt

16	UBND thị trấn Tăng Bạt Hổ	nt	nt		x	nt
17	UBND xã An Hòa	nt	nt		x	nt
18	Sở Giáo dục và Đào tạo	nt	nt		x	Tháng 11
19	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	nt	nt		x	nt
20	Sở Văn hóa, Thể thao	nt	nt		x	nt
21	Sở Du lịch	nt	nt		x	nt
22	Sở Tài nguyên và Môi trường	nt	nt		x	nt
23	Ban Dân tộc	nt	nt		x	nt
24	Ban Quản lý Khu kinh tế	nt	nt		x	nt
25	Chi cục Thủy sản	nt	nt		x	nt
26	Chi cục Bảo vệ môi trường	nt	nt		x	nt
27	Chi cục Phát triển nông thôn	nt	nt		x	nt
28	Văn phòng UBND tỉnh	nt	nt	x		nt
29	Sở Khoa học và Công nghệ	nt	nt	x		nt
30	Sở Nội vụ	nt	nt	x		nt
31	Sở Tư pháp	nt	nt	x		nt
32	Sở Tài chính	nt	nt	x		nt
33	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	nt	nt	x		nt
34	Sở Y tế	nt	nt	x		nt
35	Sở Giao thông và Vận tải	nt	nt	x		nt
36	Sở Xây dựng	nt	nt	x		nt
37	Sở Công Thương	nt	nt	x		nt
38	Sở Kế hoạch và Đầu tư	nt	nt	x		nt
39	Sở Thông tin và Truyền thông	nt	nt	x		nt
40	Thanh tra tỉnh	nt	nt	x		nt
41	Ban Tôn giáo	nt	nt	x		nt
42	Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh	nt	nt	x		nt
43	Chi cục Tiêu chuẩn ĐLCL	nt	nt	x		nt
44	Chi cục ATVS thực phẩm	nt	nt	x		nt
45	Chi cục Quản lý thị trường	nt	nt	x		nt
46	Chi cục Kiểm lâm	nt	nt	x		nt
47	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	nt	nt	x		nt

48	Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản	nt	nt	x		nt
49	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	nt	nt	x		nt
50	Chi cục Thủy lợi	nt	nt	x		nt
51	UBND thành phố Quy Nhơn	nt	nt	x		nt
52	Phòng Tài nguyên và môi trường TP. Quy Nhơn	nt	nt	x		nt
53	Phòng Giáo dục và Đào tạo TP. Quy Nhơn	nt	nt	x		nt
54	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tuy Phước	nt	nt	x		nt
55	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tuy Phước	nt	nt	x		nt
56	UBND huyện Vân Canh	nt	nt	x		nt
57	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vân Canh	nt	nt	x		nt
58	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Vân Canh	nt	nt	x		nt
59	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tây Sơn	nt	nt	x		nt
60	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tây Sơn	nt	nt	x		nt
61	UBND huyện Vĩnh Thạnh	nt	nt	x		nt
62	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Thạnh	nt	nt	x		nt
63	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Vĩnh Thạnh	nt	nt	x		nt
64	UBND thị xã An Nhơn	nt	nt	x		nt
65	Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã An Nhơn	nt	nt	x		nt
66	Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã An Nhơn	nt	nt	x		nt
67	UBND huyện Phù Cát	nt	nt	x		nt
68	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phù Cát	nt	nt	x		nt
69	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Phù Cát	nt	nt	x		nt

70	UBND huyện Phù Mỹ	nt	nt	x		nt
71	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phù Mỹ	nt	nt	x		nt
72	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Phù Mỹ	nt	nt	x		nt
73	UBND huyện Hoài Ân	nt	nt	x		nt
74	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hoài Ân	nt	nt	x		nt
75	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Hoài Ân	nt	nt	x		nt
76	UBND thị trấn Phú Phong	nt	nt	x		nt
77	UBND phường Bình Định	nt	nt	x		nt
78	UBND thị trấn Bồng Sơn	nt	nt	x		nt